

Số: 110/BC-UBND

Thanh Hoá, ngày 02 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm,
nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong những tháng đầu năm 2019, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, chiến tranh thương mại, công nghệ giữa các nước lớn ngày càng gia tăng. Ở trong nước, biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến khó lường; dịch tả lợn Châu Phi lây lan ra diện rộng... Ngoài những khó khăn chung của cả nước, tỉnh ta còn gặp những khó khăn riêng do tiến độ một số dự án lớn còn chậm, một số sản phẩm công nghiệp chủ lực gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ, đã ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra từ đầu năm, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nền kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm của tỉnh có bước phát triển mạnh; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Kết quả cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

1. Về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng ước đạt 22,18% (cùng kỳ năm 2018 tăng 8,85%), là mức tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay và cao nhất trong cả nước; trong đó: nông, lâm, thủy sản tăng 1,61%, công nghiệp - xây dựng tăng 26,05%, dịch vụ tăng 6,99%, thuế sản phẩm gấp 2,39 lần; cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản giảm 2,6%; công nghiệp - xây dựng tăng 2,47%; dịch vụ giảm 4,67%; thuế sản phẩm tăng 4,8% so với cùng kỳ.

1.1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển ổn định và khá toàn diện; giá trị sản xuất toàn ngành ước đạt 14.010 tỷ đồng, tăng 1,88% so với cùng kỳ. Sản lượng lương thực ước đạt 922,3 nghìn tấn, bằng 57,6% kế hoạch; hầu hết các cây trồng chính đều có năng suất vượt kế hoạch¹. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được những kết quả quan trọng². Sản lượng mía

¹ Trong đó: lúa ước đạt 65,3 tạ/ha, vượt 2%; ngô 47 tạ/ha, vượt 1,7%; lạc 21,8 tạ/ha, vượt 3,6%.

² Toàn tỉnh đã chuyển đổi được 2.863 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn; vùng lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao đạt 69.640 ha, ngô thâm canh 12.000 ha, mía thâm canh 7.000 ha, rau an toàn 2.000 ha, cây ăn quả 2.960 ha. Đã xây dựng 35.612 ha mô hình cánh đồng mẫu lớn, 36.410 ha mô hình liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm theo chuỗi giá trị.

nguyên liệu đạt 1,47 triệu tấn, bằng 97,9% kế hoạch, sản nguyên liệu đạt 200 nghìn tấn, vượt 16,2% kế hoạch.

Chăn nuôi mặc dù gặp khó khăn do xảy ra dịch tả lợn Châu Phi, song sản lượng thịt hơi vẫn tăng 0,8%, đàn gia cầm tăng 3,5%, sản lượng trứng tăng 3,4%; đã hoàn thành tiêm phòng đợt I cho gia súc, gia cầm, vượt 3% kế hoạch.

Lâm nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện; giá trị sản xuất ước đạt 948,2 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ; trồng mới 4.523 ha rừng tập trung, tăng 7,1% so với cùng kỳ, bằng 45,3% kế hoạch; không để xảy ra cháy rừng. Sản xuất thủy sản tăng trưởng khá, giá trị sản xuất ước đạt 2.807 tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 89,2 nghìn tấn, tăng 6,9%, bằng 49,6% kế hoạch.

Toàn tỉnh hiện có 01 huyện, 296 xã và 763 thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 12 xã, 73 thôn, bản được công nhận trong năm 2019; bình quân toàn tỉnh đạt 16,3 tiêu chí/xã, tăng 0,3 tiêu chí so với cuối năm 2018. Hiện nay, huyện Quảng Xương đã được Hội đồng thẩm định nông thôn mới Trung ương bỏ phiếu; huyện Đông Sơn đã hoàn thành các tiêu chí, đang chờ Trung ương thẩm định; 25 xã đang trình cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

1.2. Sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm gần đây; giá trị sản xuất ước đạt 56.534 tỷ đồng, tăng 48,7% so với cùng kỳ. Bên cạnh đóng góp lớn từ các sản phẩm mới của nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, các sản phẩm công nghiệp truyền thống đều có sản lượng tăng so với cùng kỳ, trong đó có một số sản phẩm tăng khá, như: đường (tăng 28,9%), bia (10,2%), thuốc lá (46,7%), quần áo (16,6%), giày (13,9%). Sản xuất tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được duy trì và phát triển; nhiều ngành nghề tiểu thủ công nghiệp được mở rộng sản xuất như: chế biến sản phẩm từ hải sản, mây giang xiên, dưa xuất khẩu, đã góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

1.3. Các ngành dịch vụ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 53.392 tỷ đồng, tăng 14,5% so với cùng kỳ, bằng 51% kế hoạch; chỉ số giá tiêu dùng bình quân 5 tháng đầu năm tăng 2,7% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 3,3%); công tác quản lý thị trường được tăng cường, đã phát hiện và xử lý 2.011 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách nhà nước 5,4 tỷ đồng. Xuất khẩu đạt tốc độ tăng trưởng cao; giá trị xuất khẩu ước đạt 1,79 tỷ USD, tăng 63,9% so với cùng kỳ (cùng kỳ năm trước tăng 26,4%), bằng 59,9% kế hoạch. Giá trị nhập khẩu ước đạt 2,74 tỷ USD, gấp 2,5 lần cùng kỳ.

Hoạt động du lịch tiếp tục có nhiều khởi sắc, lượng du khách tăng cao; ngành du lịch ước đón 6,34 triệu lượt khách, tăng 23,2% so với cùng kỳ, bằng 66,8% kế hoạch; doanh thu ước đạt 8.170 tỷ đồng, tăng 41,3% so với cùng kỳ, bằng 56,3% kế hoạch.

Dịch vụ vận tải cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đi lại của nhân dân; vận tải ước đạt 37,6 triệu tấn hàng hóa và 32,2 triệu lượt khách, so với cùng kỳ tăng 37,3% về hàng hóa và 44% về lượt khách; xếp dỡ hàng hóa qua cảng ước đạt 13,9 triệu tấn, gấp 2,7 lần cùng kỳ; doanh thu vận tải ước đạt 7.700 tỷ đồng, tăng 71,3% so với cùng kỳ, bằng 57% kế hoạch. Đã đón tàu hàng container quốc

tế đầu tiên vào cảng Nghi Sơn, mở ra cơ hội giao thương hàng hóa, dịch vụ, vận tải giữa tỉnh ta với khu vực và quốc tế; đã mở mới đường bay từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Đà Nẵng, Cần Thơ; phát triển mới được 171.600 thuê bao điện thoại, đạt 91,1% kế hoạch; mật độ thuê bao điện thoại đạt 79,7 máy/100 dân; thuê bao internet đạt 34,4 thuê bao/100 dân, vượt 10% kế hoạch.

Huy động vốn của các tổ chức tín dụng (không bao gồm Ngân hàng phát triển) ước đến 30/6/2019 đạt 91.000 tỷ đồng, tăng 9,6% so với cuối năm 2018; tổng dư nợ ước đạt 109.150 tỷ đồng, tăng 5,4% so với đầu năm. Đến ngày 31/5/2019, có 6.784 lượt doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với ngân hàng, tăng 5% so với đầu năm (tương đương 320 doanh nghiệp).

1.4. Thu ngân sách nhà nước ước đạt 13.786 tỷ đồng, bằng 52% dự toán năm và tăng 89,4% so với cùng kỳ; trong đó: thu nội địa đạt 8.380,8 tỷ đồng, tăng 58,8%³, thu xuất nhập khẩu đạt 5.405,6 tỷ đồng, gấp 2,7 lần. Chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm ước đạt 14.870 tỷ đồng, bằng 49% dự toán năm.

1.5. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường tiếp tục được tăng cường. Đã hoàn thành phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện; thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho 84 hồ sơ, với tổng diện tích 35 ha; cấp 01 giấy phép thăm dò khoáng sản, 19 giấy phép khai thác, phê duyệt 07 báo cáo thăm dò, khai thác khoáng sản và đóng cửa 03 mỏ khoáng sản. Kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại 07 huyện, thị xã, thành phố; kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại 45/90 cơ sở có báo cáo đánh giá tác động môi trường và 73 cơ sở sản xuất, kinh doanh; phát hiện và xử phạt 07 đơn vị vi phạm.

2. Về thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh tiếp tục được cải thiện, phản ánh qua Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tăng 03 bậc, xếp thứ 25 cả nước; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh tăng 09 bậc, xếp thứ 11 cả nước.

Thu hút đầu tư trực tiếp đạt kết quả tích cực, đã chấp thuận chủ trương đầu tư mới cho 110 dự án (5 dự án FDI)⁴; so với cùng kỳ, giảm 6 dự án, nhưng số vốn đăng ký tăng cao, trong đó vốn đầu tư đăng ký của các dự án trong nước đạt 13.774 tỷ đồng, tăng 49,8% và dự án FDI đạt 44,3 triệu USD, gấp 3,1 lần. Đã khởi công xây dựng một số dự án lớn, như: nhà máy sản xuất tằm và áo lót cao cấp (Yên Định); chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp (Nông Cống); nhà máy xuất khẩu giày Kim Việt (Nông Cống). Một số dự án đã hoàn thành, đi vào hoạt động, như: Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hợp Lực, các dự án may mặc trên địa bàn huyện Thọ Xuân, Quảng Xương.

Huy động vốn đầu tư phát triển ước đạt 53.323 tỷ đồng, tăng 14,4% so với cùng kỳ, bằng 47% kế hoạch. Tính đến ngày 25/6/2019, giá trị khối lượng thực

³ Các khoản thu tăng khá: Thu từ khu vực FDI (gấp 5,53 lần); Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (gấp 2,06 lần); Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (87%)...

⁴ Trong đó có một số dự án có quy mô lớn như: Dây chuyền 1 xi măng Đại Dương (4.248 tỷ đồng); TP giáo dục Quốc tế tại TP. Thanh Hóa (2.500 tỷ đồng); dây chuyền 3 xi măng Long Sơn (3.400 tỷ đồng); sản xuất gia công giày dép xuất khẩu Triệu Sơn (15,42 triệu USD), sản xuất gia công giày dép xuất khẩu Yên Định (22 triệu USD).

hiện các chương trình, dự án đầu tư công do tỉnh quản lý ước đạt 3.653 tỷ đồng, bằng 47,3% kế hoạch (cao hơn so với cùng kỳ 14,5%); giải ngân đạt 4.241 tỷ đồng, bằng 55% kế hoạch, xếp thứ 4 toàn quốc về tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công và cao nhất kể từ năm 2015 trở lại đây (năm 2015 đạt 40%, năm 2016 đạt 51%, năm 2017 đạt 44%, năm 2018 đạt 47,4%).

Công tác phát triển doanh nghiệp đạt kết quả tích cực; đến ngày 25/6, có 1.290 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 5,1% so với cùng kỳ, xếp thứ 7 cả nước⁵. Số doanh nghiệp tạm nghỉ kinh doanh quay trở lại hoạt động tăng 72,2% so với cùng kỳ (tăng 203 doanh nghiệp). Tổng thu nộp ngân sách của khối doanh nghiệp ước đạt 9.211 tỷ đồng, chiếm 66,8% tổng thu ngân sách trên địa bàn.

3. Về văn hóa - xã hội

3.1. Hoạt động khoa học - công nghệ đã thực hiện 171 nhiệm vụ, trong đó có 128 nhiệm vụ chuyển tiếp, 43 nhiệm vụ mới; nghiệm thu 12 nhiệm vụ, cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ cho 01 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh lên 24 doanh nghiệp, đứng thứ 3 cả nước⁶. Đã thanh tra, kiểm tra 71 cơ sở sản xuất kinh doanh, phát hiện và xử phạt 03 cơ sở vi phạm tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

3.2. Hoạt động văn hóa, thông tin tập trung tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, sự kiện quan trọng, ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh. Đã tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 990 năm Thanh Hóa, tạo sức lan tỏa lớn trong toàn xã hội, được nhân dân, bạn bè, du khách trong nước, quốc tế đánh giá cao. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì; tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên ước đạt 41%, tăng 2% so với cùng kỳ. Thể thao thành tích cao giành 172 huy chương (43 HCV) tại các giải đấu quốc gia, quốc tế.

3.3. Ngành giáo dục và đào tạo đã tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2018 - 2019 và tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 an toàn, đúng quy chế. Giáo dục mũi nhọn đạt kết quả cao; có 01 học sinh đạt huy chương đồng tại kỳ thi Olympic Vật lý châu Á và 64 học sinh đạt giải tại kỳ thi học sinh giỏi THPT quốc gia (07 giải nhất, xếp thứ 2 cả nước về số giải nhất, sau TP. Hà Nội); có thêm 33 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia lên 67,6%.

3.4. Các cơ sở y tế tăng cường ứng dụng kỹ thuật mới vào công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân; đã phê duyệt danh mục 85 kỹ thuật cho bệnh viện tuyến dưới. Công tác y tế dự phòng được tăng cường, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Đã tổ chức kiểm tra 486 cơ sở về vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý 20 cơ sở vi phạm. Có 50 xã, thị trấn được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế, nâng tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế lên 87,5%.

3.5. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm. Đã giải quyết việc làm mới cho 47.250 lao động, tăng 45% so với cùng kỳ, bằng 69,5% kế hoạch (trong đó xuất khẩu 4.775 lao động, bằng

⁵ Sau các tỉnh, thành: TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đà Nẵng, Đồng Nai, TP. Hải Phòng.

⁶ Sau TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

47,8% kế hoạch); giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho 7.154 người. Các chế độ, chính sách với người có công với cách mạng được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

4. Công tác cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy

Công tác cải cách hành chính, trọng tâm là sắp xếp tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị được tích cực triển khai thực hiện. UBND tỉnh đã ban hành 14 quyết định công bố 97 thủ tục hành chính, bãi bỏ 42 thủ tục hành chính; thực hiện chính sách tinh giản biên chế cho 172 người; hoàn thành xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã để trình HĐND tỉnh thông qua, trong đó dự kiến giảm 76 đơn vị hành chính cấp xã; phê duyệt chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Nông nghiệp Thanh Hóa; sáp nhập, sắp xếp lại một số phòng chuyên môn thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; sắp xếp, tổ chức lại Phòng Dân tộc và Phòng Y tế thuộc UBND cấp huyện; thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; tổ chức lại 27 Trung tâm y tế cấp huyện; hoàn thành thủ tục sắp xếp tổ chức, bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT, Phòng Nông nghiệp - PTNT hoặc Phòng kinh tế thuộc UBND cấp huyện và thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện, Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa.

5. Về quốc phòng, an ninh

Các lực lượng vũ trang nắm chắc tình hình tuyến biên giới, trên biển và địa bàn trọng điểm, chủ động xử lý các tình huống, không để bị động, bất ngờ; triển khai thực hiện tốt công tác chuẩn bị diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh năm 2019; hoàn thành kế hoạch tuyển quân đợt 1 năm 2019 với 3.650 quân nhân; tổ chức ra quân huấn luyện, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về quốc phòng, an ninh cho 12.600 cán bộ, chiến sỹ.

Công an tỉnh đã thực hiện thành công nhiều chuyên án lớn, triệt xóa một số tổ chức tín dụng đen hoạt động với quy mô liên tỉnh, đường dây đánh bạc "nghìn tỷ" trên mạng Internet, đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn. Trong 6 tháng đầu năm, đã phát hiện 923 vụ, 1.792 đối tượng phạm tội về trật tự xã hội; 407 vụ, 555 đối tượng phạm tội ma túy; 244 vụ, 287 đối tượng phạm tội về kinh tế. Công tác phòng, chống cháy nổ được tăng cường, không xảy ra các vụ cháy, nổ gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Tóm lại, kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2019 là tương đối tích cực, nhiều chỉ tiêu chủ yếu đã đạt hoặc xấp xỉ đạt 50% kế hoạch năm, là tiền đề vững chắc để phấn đấu hoàn thành và vượt kế hoạch; một số kết quả nổi bật như: tốc độ tăng trưởng GRDP cao nhất từ trước đến nay; giá trị sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, thu ngân sách nhà nước, vận tải, doanh thu du lịch tăng cao so với cùng kỳ; sản xuất nông nghiệp tiếp tục được mùa, năng suất các loại cây trồng đều tăng so với cùng kỳ; hoạt động đối ngoại, xúc tiến đầu tư tiếp tục được chú trọng và đạt kết quả tích cực, vốn đăng ký đầu tư tăng cao so với cùng kỳ; đã tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn về văn hóa - xã hội, nổi bật là các hoạt động kỷ niệm 990 năm Thanh Hóa; giáo dục

mũi nhọn tiếp tục duy trì thành tích cao; việc sắp xếp tổ chức, bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị được triển khai thực hiện đồng bộ, nghiêm túc, sáng tạo và đạt kết quả bước đầu quan trọng; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, thực hiện thành công nhiều chuyên án lớn, đấu tranh, triệt phá một số vụ việc nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2019 còn những hạn chế, yếu kém trên một số lĩnh vực, cụ thể là:

1. Diện tích gieo trồng vụ Đông, sản lượng mía không đạt kế hoạch; dịch tả lợn Châu Phi lây lan diện rộng, ảnh hưởng lớn đến ngành chăn nuôi lợn; nhiều diện tích ngao nuôi bị chết tại huyện Hậu Lộc và Nga Sơn; xảy ra 09 vụ tai nạn tàu cá trên biển.

2. Việc thu hút nhà đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn hạn chế, nên nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa có hạ tầng đồng bộ, làm hạn chế khả năng thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn. Việc nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho một số dự án công nghiệp còn chậm⁷.

3. Tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư trực tiếp, dự án có sử dụng đất còn chậm trễ, kéo dài, nhất là các dự án dịch vụ thương mại trên địa bàn TP. Thanh Hóa⁸, các dự án du lịch ven biển từ Nam Sầm Sơn đến Quảng Xương. Công tác chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công khởi công mới, quyết toán dự án hoàn thành còn chậm; số dư vốn tạm ứng còn cao. Công tác bồi thường GPMB vẫn gặp nhiều vướng mắc, tiến độ chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của nhiều dự án; việc triển khai kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất năm 2019 còn chậm. Tỷ lệ đô thị hóa còn thấp so với bình quân cả nước (đạt khoảng 23,5%; cả nước đạt khoảng 38%).

4. Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh (PCI) thiếu tính ổn định; nhiều chỉ số thành phần năm 2018 có thứ hạng thấp so với cả nước, như: gia nhập thị trường (xếp thứ 50/63 tỉnh, thành phố), chi phí thời gian (49/63), chi phí không chính thức (56/63), cạnh tranh bình đẳng (59/63), tiếp cận đất đai (44/63).

5. Tình trạng khai thác, vận chuyển, tập kết khoáng sản trái phép, không phép còn xảy ra ở một số địa phương nhưng chưa được ngăn chặn, xử lý kịp thời; ô nhiễm môi trường tại một số cơ sở sản xuất, các bãi chôn lấp chất thải rắn còn diễn ra, gây bức xúc trong nhân dân.

6. Số doanh nghiệp nợ đọng BHXH khó thu⁹ tăng 38,6% so với cuối năm 2018. Số vụ đình công, ngừng việc tập thể trái pháp luật tại doanh nghiệp tăng

⁷ Dự án luyện cán thép Nghi Sơn chưa đi vào hoạt động (dự kiến tháng 6 năm 2019) do chậm trễ trong GPMB phục vụ xây lắp hệ thống cấp điện để vận hành thử.

⁸ Điển hình là các dự án thương mại, dịch vụ ven Quốc lộ 1A, đoạn từ cầu Ba Gian, huyện Hoằng Hóa đến cầu Nguyệt Viên, TP. Thanh Hóa.

⁹ Còn 269 doanh nghiệp nợ khó thu, với số tiền nợ là 41,2 tỷ đồng, tăng 75 doanh nghiệp và tăng 9,8 tỷ đồng so với cuối năm 2018.

so với cùng kỳ¹⁰. Tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh tăng cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ (tăng 21,2% số vụ, tăng 60,4% số người chết, tăng 31,1% số người bị thương¹¹). Tội phạm hoạt động có tổ chức, băng nhóm, tội phạm ma túy còn diễn biến phức tạp; số vụ vi phạm về trật tự xã hội, ma túy tăng so với cùng kỳ.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu là do công tác chỉ đạo, điều hành của một số ngành, địa phương, đơn vị thiếu quyết liệt, chưa hiệu quả; một số ngành, địa phương còn hạn chế về năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ; một số chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh đã ban hành, nhưng việc triển khai thực hiện chưa tích cực, thiếu sáng tạo, nên hiệu quả chưa cao; một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục đạo đức công vụ, còn buông lỏng quản lý cán bộ, công chức; năng lực, tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ chưa cao; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số ngành, địa phương, đơn vị và một bộ phận cán bộ, công chức chưa nghiêm.

Phần thứ hai

KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND, CHỦ TỊCH UBND TỈNH

1. Về triển khai các chủ trương, định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội: sau khi Chính phủ, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh ban hành các nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; đồng thời, ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh và giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, các cấp chuẩn bị các chương trình, đề án; ban hành kế hoạch tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư lớn và phân công Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các dự án.

Sáu tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã bám sát vào các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019; triển khai toàn diện 12 lĩnh vực công tác quản lý nhà nước đã đề ra từ đầu năm 2019 theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019; tập trung chỉ đạo, điều hành có trọng tâm, trọng điểm; trong đó, nổi bật ở các lĩnh vực như: (1) Tập trung quyết liệt công tác phòng, chống, khống chế dịch tả lợn Châu Phi; (2) tăng cường giải quyết khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp; (3) đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng; (4)

¹⁰ 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh xảy ra 04 vụ đình công tại Công ty TNHH Yotsuba Dress Việt Nam, KCN Lễ Môn - TP. Thanh Hóa; Công ty TNHH Lương Thịnh, huyện Thọ Xuân; Công ty TNHH may Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Thủy và Công ty TNHH TS Vina, huyện Yên Định.

¹¹ Số liệu theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh.

đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; (5) tăng cường chỉ đạo thu ngân sách nhà nước; (6) đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; (7) đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh; (8) tập trung triển khai các hoạt động kỷ niệm 990 năm Thanh Hóa; (9) đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, bố trí các đơn vị hành chính; (10) phát huy trách nhiệm các ngành, các cấp trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; (11) tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính và nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước.

b) Về thực hiện các chương trình, đề án và cơ chế, chính sách, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo hoàn thiện các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, như: triển khai các nhiệm vụ thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao¹²; cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; điều chỉnh, bổ sung nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách; sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại; quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của HĐND, đại biểu HĐND các cấp; chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container đi quốc tế qua cảng Nghi Sơn; đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh; chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức và người lao động không chuyên trách ở cấp xã, viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh; sửa đổi, bổ sung Nghị quyết của HĐND tỉnh về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản...

2. Về chỉ đạo điều hành trên các lĩnh vực

2.1. Trong lĩnh vực nông nghiệp, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp gieo trồng, chăm sóc, bảo vệ cây trồng; chỉ đạo quyết liệt các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi; phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ phát triển rừng; phát triển nuôi trồng thủy sản, kiểm soát loài tôm càng đỏ; các biện pháp đảm bảo an toàn dê điều, hồ chứa, thủy điện và công tác chuẩn bị phòng, chống thiên tai, lụt bão; công tác quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; chỉ đạo triển khai huyện, xã xây dựng nông thôn mới và chương trình mỗi xã một sản phẩm; công tác chuẩn bị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp cấp bách khống chế bệnh dịch tả lợn Châu Phi, như: ban hành kế hoạch hành động, các công điện, văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp tổ chức thực hiện đồng bộ các biện pháp khống chế dịch; tổ chức các hội nghị trực tuyến ban giải pháp phòng, chống dịch; tăng cường đi kiểm tra, đôn đốc và phân công

¹² Gồm: chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tích tụ, tập trung đất đai; sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi.

các thành viên ban chỉ đạo phòng, chống dịch, các sở, huyện, xã trực tiếp xuống các ổ dịch, đến tận thôn, bản để kiểm tra, chỉ đạo; tăng cường quản lý vận chuyển, giết mổ, chế biến, tiêu thụ thịt gia súc, gia cầm; tăng cường bố trí nhân lực, phương tiện, vật tư, hóa chất cho công tác phòng ngừa, khống chế, bao vây, dập dịch; ban hành quy định mức hỗ trợ thiệt hại và hỗ trợ công tác phòng chống dịch bệnh ở lợn do mắc bệnh lở mồm long móng, tai xanh, dịch tả lợn Châu Phi.

2.2. Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung cao cho công tác đối thoại với doanh nghiệp; kịp thời hỗ trợ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, nhất là vấn đề tuyển dụng, sử dụng lao động, cấp điện, cấp nước, thủ tục đầu tư, xây dựng; nguyên, vật liệu xây dựng; hỗ trợ doanh nghiệp quảng cáo, tiêu thụ sản phẩm; đảm bảo môi trường an ninh trật tự cho doanh nghiệp; tăng cường công tác quản lý nhà nước và xử lý nghiêm các vi phạm về trật tự xây dựng; đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo các công trình di tích văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, tôn giáo; thăm định, giám sát các dự án đầu tư nước ngoài; chỉ đạo rà soát các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh; chấn chỉnh công tác tham mưu chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư trực tiếp; đôn đốc tiến độ thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt.

2.3. Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo phân bổ vốn các chương trình mục tiêu, các dự án sử dụng vốn nước ngoài, các chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ, giải ngân, quyết toán vốn đầu tư, thanh toán dư ứng, thu hồi vốn ứng; tăng cường thực hiện công tác đấu thầu qua mạng; đẩy nhanh tiến độ các công trình khắc phục hậu quả mưa, lũ gây ra trong năm 2018, các dự án di tích lịch sử, văn hóa; chỉ đạo công tác chuẩn bị chủ trương đầu tư các dự án hạ tầng lớn, trọng điểm của tỉnh; chấn chỉnh việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT; đàm phán với nhà đầu tư thực hiện dự án quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn; nghiên cứu xây dựng quy định việc đầu tư các dự án sử dụng đất có mục đích công cộng theo hình thức đối tác công tư.

2.4. Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ; xóa bỏ các chợ tạm, tự phát; quản lý giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, bình ổn thị trường; đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch; triển khai dịch vụ tàu container tại cảng biển Nghi Sơn; tổ chức hội nghị bàn giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cảng Nghi Sơn; tăng cường tuyên truyền, quảng bá thông tin các đường bay đi, đến Cảng hàng không Thọ Xuân; công nhận các khu, điểm du lịch.

2.5. Trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện sớm việc phân bổ kinh phí, kế hoạch vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án; tăng cường các biện pháp quản lý thuế, chống thất thu, gian lận thuế; quản lý, sử dụng kinh phí theo dự toán được duyệt, kịp thời bố trí kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; rà soát, bố trí, sắp xếp và xử lý nhà đất, xe ô tô công; ban hành kế hoạch thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự

nghiệp công lập; xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị; quy định thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các hộ thoát nước; giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

2.6. Trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, khoa học và công nghệ, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường công tác lập, thẩm định, trình duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện; tăng cường thanh tra, kiểm tra và chấn chỉnh hoạt động khai thác, tập kết trái phép tài nguyên khoáng sản, nhất là hoạt động khai thác cát, sỏi; tạm dừng các bãi tập kết cát, mỏ cát mà người dân đang có nhiều phản ánh về gây sụt lở đất, ảnh hưởng môi trường; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc cấp phép khai thác các mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

2.7. Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo công tác chuẩn bị kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia 2019, tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2019 - 2020; tăng cường các giải pháp phòng, chống tai nạn đuối nước học sinh, sinh viên; xây dựng đề án thực hiện cơ chế tự chủ tại các trường phổ thông; thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục mầm non; thực hiện việc tiếp nhận và chỉ đạo nâng cao thành tích đội bóng đá Thanh Hóa; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường quản lý hoạt động hành nghề y, dược ngoài công lập; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện và khánh thành, đưa dự án đầu tư Bệnh viện Ung bướu tỉnh vào sử dụng; chấn chỉnh một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tại cơ sở thờ tự Phật giáo; tăng cường tuân thủ pháp luật lao động, thúc đẩy quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp; giải quyết vướng mắc trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo tổ chức thành công các hoạt động văn hóa nhân kỷ niệm 990 năm Thanh Hóa, đặc biệt là tổ chức Lễ kỷ niệm 990 năm Thanh Hóa với vinh dự được đón Thủ tướng Chính phủ, các đồng chí nguyên Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành Trung ương; triển lãm “Thanh Hóa xưa và nay” được chuẩn bị công phu, có quy mô, không gian lớn nhất từ trước đến nay với nhiều hình ảnh, tư liệu quý lần đầu tiên công bố, đã thu hút được đông đảo nhân dân tham quan, để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng công chúng và du khách.

2.8. Trong lĩnh vực xúc tiến đầu tư và hoạt động đối ngoại, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, thông tin đối ngoại năm 2019. Lãnh đạo tỉnh đã tiếp và làm việc với nhiều đoàn công tác của các cơ quan, tổ chức, tập đoàn, công ty lớn trong và ngoài nước; thăm, làm việc và xúc tiến đầu tư tại Đài Loan, ký kết thỏa thuận hợp tác năm 2019 với tỉnh Hòa Phẫn (Lào); tiếp và làm việc với Đoàn công tác của Phòng Thương mại và Công nghiệp Hàn Quốc, Cơ quan Xúc tiến Thương mại Hàn Quốc, Ngân hàng Thế giới, Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam, Đoàn công tác của Tổ chức Tre luồng Thế giới, Hiệp hội Gốm sứ Hàn Quốc, Tập đoàn CMA - CGM; Ngài Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Liên bang Nga tại Việt Nam; tham dự Hội nghị Hợp tác phi tập trung Việt Nam - Pháp lần thứ XI tại Toulouse, Pháp; chuẩn bị tài liệu phục vụ Đoàn công tác cấp cao tỉnh Thanh Hóa tại Liên bang Nga, Nhật Bản.

2.9. Trong lĩnh vực nội vụ, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo công tác sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã; giải quyết số lao động không đúng quy định; rà soát, xây dựng đề án sáp nhập, thành lập mới các thôn, bản, tổ dân phố; kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; tăng cường tổ chức thanh tra, kiểm tra về công tác cán bộ; rà soát hồ sơ và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức; phê duyệt phương án xác định quy mô giường bệnh, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc của các bệnh viện công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ; phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập; quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và quy định về phân loại thôn, tổ dân phố; chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về khen thưởng.

2.10. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; công tác chống lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kiểm tra, kiểm soát tải trọng xe; phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn hoạt động xuất cảnh trái pháp luật; công tác khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe; xây dựng quy trình giải quyết một số tình huống đình công, tập trung đông người trái pháp luật, phá rối an ninh trật tự; đề án bố trí công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã; đề án bảo trì đường huyện, đường xã.

2.11. Trong lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung rà soát, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp; thực hiện khai thác, sử dụng hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân; tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiểm tra, làm rõ và trả lời ý kiến của đại biểu Quốc hội và các thông tin báo chí nêu; phối hợp chặt chẽ với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc theo dõi, nắm bắt tình hình khiếu kiện của nhân dân để kịp thời chỉ đạo xử lý, giải quyết.

II. MỘT SỐ HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Mặc dù UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, cụ thể trên các lĩnh vực; song, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế, khó khăn, trong đó có phần trách nhiệm thuộc công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh.

2. Việc chuẩn bị một số đề án trong Chương trình công tác của UBND tỉnh 6 tháng đầu năm 2019 ở một số ngành, địa phương, đơn vị còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, chất lượng.

3. Việc tổ chức triển khai một số nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 ở một số sở, ngành, địa phương còn hạn chế,

như: công tác phát triển đô thị chậm được tham mưu chỉ đạo, đôn đốc¹³; tiến độ công tác thẩm định, trình hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của một số huyện còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu¹⁴; công tác giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án đầu tư có sử dụng đất còn gặp nhiều khó khăn; một số huyện có diện tích GPMB thấp đạt thấp so với kế hoạch tỉnh giao, thậm chí có địa phương chưa có diện tích được GPMB trong năm 2019; tình trạng ô nhiễm môi trường ở các bãi rác còn tương đối phổ biến; việc quản lý, vận hành các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hầu hết chưa đúng quy trình, kỹ thuật, gây ô nhiễm môi trường; một số địa phương có số doanh nghiệp thành lập mới đạt thấp so với kế hoạch và giảm mạnh so với cùng kỳ¹⁵; đặc biệt, huyện Mường Lát chưa có doanh nghiệp thành lập mới; chỉ tiêu xây dựng xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị kiểu mẫu còn đạt thấp so với kế hoạch đề ra; việc triển khai dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 còn chậm.

4. Kỷ luật, kỷ cương, ý thức chấp hành mệnh lệnh hành chính ở một số ngành, địa phương chưa nghiêm; chưa chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; còn xảy ra vi phạm quy định của pháp luật, như: công chức Thanh tra tỉnh vi phạm quy định về phòng, chống tham nhũng; Sở Xây dựng vi phạm quy định trong công tác thẩm định, tham mưu cấp giấy phép quy hoạch dự án chợ Quảng Thành tại phường Quảng Thành, TP. Thanh Hóa¹⁶; UBND huyện Mường Lát vi phạm quy định trong quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn Mường Lát¹⁷; cán bộ, công chức các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng để xảy ra sai phạm trong việc tham mưu chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khu nhà ở kết hợp thương mại tại số 19 Lê Hữu Lập, phường Lam Sơn, TP. Thanh Hóa; cán bộ, công chức UBND các huyện, thành phố: Sầm Sơn, Quảng Xương để xảy ra sai phạm trong quản lý, sử dụng đất đai¹⁸, Phó Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương (phụ trách lĩnh vực nông nghiệp) thiếu trách nhiệm, thiếu quyết liệt trong công tác tham mưu, chỉ đạo phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn.

5. Một số ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao, có tỷ lệ công việc đã thực hiện đạt dưới 80% (cập nhật đến ngày 01/7/2019), gồm: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (77%), Sở Nông nghiệp và PTNT (79%), Sở Tài nguyên và Môi trường (76%), Sở Y tế (71%) và 08/27 huyện, thị xã, thành phố¹⁹.

¹³ Chưa hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa năm 2019 - 2020; không có văn bản tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo đôn đốc việc thực hiện của các huyện, thị xã, thành phố.

¹⁴ Gồm các huyện, TX, TP: Thanh Hóa, Bim Sơn, Nông Cống, Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh, Đông Sơn, Thọ Xuân (Công văn số 5521/UBND-NN ngày 08/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh).

¹⁵ Gồm: Bim Sơn (27% KH, 79% CK); Hà Trung (28,6% KH, 80% CK); Thiệu Hóa (21,7% KH, 46% CK); Ngọc Lặc (25% KH, 79% CK); Lang Chánh (20% KH); Như Xuân (23,3% KH, 50% CK); Quan Sơn (8% KH, 20% CK)

¹⁶ Công văn số 5606/UBND-THKH ngày 10/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁷ Công văn số 7099/UBND-THKH ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁸ Công văn số 2355/UBND-KSTTHC-NC ngày 01/3/2019, Thông báo số 106/TB-UBND ngày 24/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁹ Gồm: TP Thanh Hóa (78%), Bim Sơn (70%), Hà Trung (77%), Quan Sơn (73%), Triệu Sơn (72%), Như Xuân (78%), Nga Sơn (79%), Như Thanh (77%).

Phần thứ ba
NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

I. Nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm 2019

Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2019, nhiệm vụ còn lại của một số chỉ tiêu chủ yếu trong 6 tháng cuối năm 2019 như sau:

1. Tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng cuối năm phải đạt 18,36% trở lên (kế hoạch cả năm là 20%), trong đó: nông, lâm, thủy sản tăng 3,84% (KH năm 2,7%); công nghiệp - xây dựng tăng 26,47% (KH năm 26,3%); dịch vụ tăng 13,21% (KH năm 10,7%); thuế sản phẩm 16,63% (KH năm 57,6%).
2. Sản lượng lương thực đạt 677,7 nghìn tấn (KH năm 1.600 nghìn tấn).
3. Kim ngạch xuất khẩu đạt 1.210 triệu USD (KH năm 3.000 triệu USD).
4. Huy động vốn ĐTPT đạt 71.677 tỷ đồng (KH năm 125.000 tỷ đồng).
5. Thu NSNN đạt 12.856 tỷ đồng (dự toán năm 26.642 tỷ đồng).
6. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 01 huyện, 41 xã (KH 01 huyện, 41 xã).
7. Số doanh nghiệp thành lập mới: 1.710 DN (KH năm 3.000 DN).
8. Giải quyết việc làm cho 20.750 lao động (KH năm 68.000 lao động).

II. Dự báo khả năng thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

Dự báo những tháng cuối năm 2019, bên cạnh những dấu hiệu tích cực như: nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn hoạt động ổn định; dây chuyền 1 nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn dự kiến có sản phẩm; dự án nhiệt điện Nghi Sơn 2 có tổng mức đầu tư lớn đang được đầu tư xây dựng; thu hút khách du lịch, xuất khẩu tăng cao; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển, tình ta vẫn còn những khó khăn, thách thức, như: dịch tả lợn Châu Phi, thiên tai diễn biến khó lường; tiến độ thực hiện một số dự án lớn chậm và những yếu kém trong nội tại của nền kinh tế chưa được khắc phục.

Trên cơ sở dự báo những thuận lợi, khó khăn, thách thức trong 6 tháng cuối năm và kết quả đạt được 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019 như sau:

1. Các chỉ tiêu còn khó khăn, đòi hỏi phải nỗ lực phấn đấu cao mới hoàn thành kế hoạch, gồm: (1) tốc độ tăng trưởng GRDP; (2) huy động vốn đầu tư phát triển; (3) thu ngân sách nhà nước; (4) thành lập mới doanh nghiệp.
2. Các chỉ tiêu còn lại (23 chỉ tiêu), nếu không có biến động bất thường sẽ hoàn thành kế hoạch đề ra.

III. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, cùng với việc tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh, các cấp, các ngành tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

1. Thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế cả năm

1.1. Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Mùa theo khung thời vụ; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tích tụ, tập trung đất đai, tạo thuận lợi cho thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các dự án sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao. Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 18/6/2019 của Chính phủ về việc triển khai một số giải pháp cấp bách trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 17/6/2019 về việc tăng cường quản lý vận chuyển, giết mổ, chế biến, tiêu thụ thịt gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh; khẩn trương hỗ trợ người chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh dịch; đẩy mạnh phát triển gia cầm để thay thế thịt lợn, đồng thời có cơ chế hỗ trợ để các doanh nghiệp chăn nuôi quy mô lớn phát triển; triển khai tiêm phòng đợt 2 cho gia súc, gia cầm theo kế hoạch.

Đẩy nhanh tiến độ trồng rừng; tăng cường công tác bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Đẩy mạnh khai thác, nuôi trồng thủy sản gắn với phát triển bền vững; tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đăng ký, đăng kiểm, quản lý tàu cá, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển. Chủ động rà soát các phương án phòng chống lụt bão, hạn hán; đẩy nhanh tiến độ các công trình hồ đập, đề điều phục vụ phòng chống lụt bão.

Các huyện, xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 tập trung huy động mọi nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình, đảm bảo sớm hoàn thành các tiêu chí; các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, công nhận theo quy định. Chuẩn bị tốt các điều kiện và tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

1.2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019 theo Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường đối thoại, chủ động làm việc với các doanh nghiệp có sản lượng 6 tháng đầu năm đạt thấp so với kế hoạch để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành kế hoạch cả năm; đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp có thuận lợi về thị trường tiêu thụ tiếp tục tăng sản lượng để bù đắp cho các sản phẩm khác. Đối với nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực (lọc dầu, xi măng, may mặc, giày), có vai trò quyết định đến thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP của tỉnh, phải theo dõi sát tình hình sản xuất của doanh nghiệp, hỗ trợ, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch đề ra. Phối hợp với các đơn vị cung cấp điện, nước để đảm bảo nguồn điện, nước cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân. Tiếp tục làm việc với các tập đoàn, tổng công ty để giao tăng chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị thành viên hoạt động trên địa bàn tỉnh.

1.3. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện thúc đẩy thương mại nội địa phát triển. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các doanh

nghiệp tận dụng tối đa lợi thế các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để mở rộng thị trường xuất khẩu. Lực lượng quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Quản lý tốt hoạt động du lịch trên địa bàn; chú trọng công tác tuyên truyền, quảng bá các khu du lịch biển, du lịch văn hóa nổi tiếng thông qua các phương tiện truyền thông, các hoạt động xúc tiến đầu tư; nâng cao chất lượng phục vụ theo hướng chuyên nghiệp, văn minh, thân thiện; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch; chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hoạt động chèo kéo, ép giá du khách. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, phát triển dịch vụ vận tải công cộng; vận động, hỗ trợ các hãng hàng không mở các đường bay mới qua Cảng hàng không Thọ Xuân.

1.4. Các tổ chức tín dụng thực hiện tốt các chính sách tiền tệ, tín dụng của Trung ương trên địa bàn; thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng, ưu tiên tập trung tín dụng cho các lĩnh vực sản xuất; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; đồng thời, đẩy mạnh phát triển các gói sản phẩm cho vay tiêu dùng phục vụ nhân dân.

2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư công

2.1. Các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2020. Sở Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương đầu mối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ sớm phê duyệt nhiệm vụ, làm cơ sở lập Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các huyện, thị xã, thành phố có số doanh nghiệp thành lập mới đạt thấp so với kế hoạch phải tập trung đánh giá tình hình, đề ra giải pháp cụ thể, thiết thực, đảm bảo hoàn thành mục tiêu thành lập mới doanh nghiệp năm 2019.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước theo kế hoạch. Đặc biệt, chuẩn bị tốt điều kiện và tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Thanh Hóa năm 2019; trước mắt, yêu cầu các sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao, bám sát Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, đồng thời chủ động làm việc, hỗ trợ nhà đầu tư để hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc biên bản ghi nhớ đầu tư để trao hoặc ký kết tại Hội nghị.

Giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp; các ngành tham mưu, nâng cao chất lượng, hiệu quả các buổi tiếp doanh nghiệp định kỳ hàng tháng của Chủ tịch UBND tỉnh; tiếp tục rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính để doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ các dự án. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN rà soát các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất; tham mưu chấm dứt hoạt động hoặc thu hồi đất những trường hợp vi phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường.

2.2. Đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch các khu công nghiệp, quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng trong KKT Nghi Sơn, làm cơ sở kêu gọi, thu hút đầu tư. Trong quá trình lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, phải tăng cường rà soát, khắc phục tình trạng chông chéo, bất cập giữa các quy hoạch, nhất là giữa quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất.

2.3. Các cơ quan được giao nhiệm vụ đầu mối phải phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thị xã, thành phố để nắm chắc tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư lớn, trọng điểm của tỉnh, kịp thời đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, nhà thầu đẩy nhanh tiến độ các dự án, đảm bảo hoàn thành các công việc theo tiến độ đã đề ra tại Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh. Đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư, nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề trong năm 2019, năm 2020 hoàn thành một số hạng mục hoặc hợp phần thuộc các dự án lớn đang triển khai, như: đường ven biển đoạn từ Sầm Sơn - Quảng Xương; Quảng trường biển và trục cảnh quan lễ hội TP Sầm Sơn; đường nối thành phố Thanh Hóa với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn; các dự án đầu tư hạ tầng trong KKT Nghi Sơn.

Các chủ đầu tư, các Ban Quản lý dự án chuyên ngành, khu vực, phải tăng cường kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu các nhà thầu tập trung nhân lực, máy móc, thiết bị để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư công đã được bố trí vốn năm 2019, phấn đấu hoàn thành giải ngân 100% vốn đầu tư công năm 2019, không để dồn vốn giải ngân vào cuối năm hoặc kéo dài thời hạn giải ngân sang năm 2020; khẩn trương hoàn chỉnh thủ tục lựa chọn nhà thầu để khởi công các dự án mới. Tổ chức nghiệm thu, lập phiếu giá thanh toán, hoàn ứng theo quy định; kiên quyết thu hồi tạm ứng đối với các dự án có số dư ứng lớn, hoàn ứng chậm và kéo dài. Thực hiện nghiêm chỉ đạo về điều chuyển vốn của các dự án có tiến độ thực hiện chậm, tỷ lệ giải ngân thấp so với kế hoạch để bố trí vốn cho các dự án có tiến độ thực hiện nhanh nhưng còn thiếu vốn; tăng cường kiểm tra công tác đấu thầu, nhất là đấu thầu qua mạng, xử lý nghiêm các đơn vi phạm.

Tiếp tục đấu mối với các Bộ, ngành Trung ương và các nhà tài trợ để hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục đầu tư các dự án ODA, trọng tâm là dự án phát triển đô thị động lực Tỉnh Gia và dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc. Tập trung triển khai thực hiện kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất năm 2019; hoàn chỉnh và sớm phê duyệt kế hoạch đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư năm 2019.

3. Đẩy mạnh thực hiện các biện pháp tăng thu ngân sách nhà nước, phấn đấu hoàn thành dự toán thu cả năm

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 02/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về tập trung thực hiện một số giải pháp đảm bảo hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019 và những năm tới, trọng tâm là các giải pháp tăng thu, chống thất thu, nuôi dưỡng nguồn thu, khai thác, mở rộng nguồn thu tiềm năng; đẩy mạnh tăng thu đối với các khoản thu đạt thấp trong 6 tháng đầu năm; kiên quyết thu hồi các khoản nợ đọng thuế từ đấu thầu dự án có

sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất và cấp quyền khai thác khoáng sản.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước các cấp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; kiên quyết không bổ sung các khoản chi phát sinh ngoài dự toán, trừ các trường hợp khẩn cấp do thiên tai, bão lụt, dịch bệnh. Rà soát các khoản chi thường xuyên, thực hiện cắt giảm, tiết kiệm các khoản chi chưa cần thiết để bổ sung vốn cho đầu tư phát triển.

4. Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản; đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường; công tác GPMB để thực hiện các dự án

Các cấp, các ngành nâng cao tinh thần, trách nhiệm, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn, kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp khai thác, tập kết, vận chuyển khoáng sản trái phép, nhất là hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông.

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các khu vực công cộng, khu du lịch biển, khu chôn lấp chất thải rắn, khu tiêu hủy lợn mắc dịch tả lợn Châu Phi; kịp thời ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm. Đẩy mạnh các hoạt động kêu gọi, thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư các công trình xử lý chất thải theo hình thức xã hội hóa. Tiếp tục rà soát, đóng cửa các bãi chôn lấp chất thải rắn không hợp vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.

Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh về giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2019; các địa phương chủ động, tích cực phối hợp với các chủ đầu tư, doanh nghiệp để đẩy nhanh tiến độ GPMB, đảm bảo hoàn thành 100% yêu cầu về tiến độ đối với các dự án đủ điều kiện; những địa phương có kết quả GPMB đạt thấp trong 6 tháng đầu năm, phải tập trung đánh giá, xác định rõ nguyên nhân để có giải pháp khắc phục, phấn đấu hoàn thành kế hoạch GPMB được giao; đồng thời, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu tái định cư, tạo điều kiện thuận lợi về sinh kế cho người dân tái định cư tại nơi ở mới.

5. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, xã hội; đẩy mạnh đào tạo nghề, giải quyết việc làm và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội

Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, nhất là các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, chăm sóc sức khỏe và bảo vệ môi trường. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phát triển thị trường khoa học công nghệ; tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, an toàn bức xạ và hạt nhân.

Khẩn trương hoàn chỉnh các thủ tục để triển khai thực hiện các dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các khu di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích, lịch sử gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao quần chúng; củng cố lực lượng để đội bóng đá Thanh Hóa tham dự lượt về V-League đạt thành tích tốt nhất; chuẩn bị tốt lực lượng vận động viên tham dự các giải thể thao quốc gia và quốc tế.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục đại trà và giữ vững chất lượng giáo dục mũi nhọn. Rà soát, khắc phục hiệu quả tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; chuẩn bị tốt các điều kiện triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2019 - 2020. Đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia; thực hiện sắp xếp các trường học theo kế hoạch; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện để chấn chỉnh, xử lý nghiêm các đơn vị lạm thu đầu năm học, dạy thêm, học thêm trái quy định.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; tăng cường ứng dụng các kỹ thuật cao vào chẩn đoán và điều trị bệnh; đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư bệnh viện, góp phần giảm tình trạng quá tải tại các bệnh viện công lập; đồng thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các bệnh viện Trung ương đầu tư các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Chuẩn bị sẵn sàng, đầy đủ các điều kiện về thuốc men, hoá chất, thiết bị và phương tiện để phòng, chống dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát về vệ sinh an toàn thực phẩm, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành đóng BHXH bắt buộc, thực hiện chế độ chính sách, an toàn lao động tại các doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng; nắm bắt tình hình đời sống của nhân dân để có phương án cứu trợ kịp thời.

6. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; đẩy mạnh cải cách hành chính; đẩy nhanh tiến độ sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, gắn với xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các ngành, địa phương, đơn vị, trọng tâm là việc thực hiện các kết luận, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, công tác cải cách hành chính, tổ chức cán bộ, giải phóng mặt bằng, trình tự, thủ tục đầu tư và tiến độ thực hiện các dự án.

Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch số 102/KH-TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 165/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, trong đó tập trung đẩy nhanh tiến độ sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh theo Đề án được HĐND tỉnh thông qua. Các ngành y tế, văn hóa, nông nghiệp, giáo dục tiếp tục rà soát, triển khai các công việc cần thiết để sáp nhập các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý của mình, đảm bảo phù hợp theo quy định và tình hình thực tế; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương hoàn thành các chương trình, đề án trình UBND, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt trong 6 tháng cuối năm. Khẩn trương đánh giá sát, đúng tình hình kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2020 - 2022, đảm bảo chất lượng, trình cấp có thẩm quyền tổng hợp, phê duyệt theo quy định.

7. Củng cố quốc phòng - an ninh; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Các lực lượng vũ trang nắm chắc tình hình, nhất là tuyến biên giới, trên biển, các địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự; chủ động xử lý các tình huống, giải quyết kịp thời những vụ việc nổi cộm, không để phát sinh thành điểm nóng; chủ động lực lượng, sẵn sàng tham gia phòng, chống thiên tai, cháy rừng khi có tình huống xảy ra. Tổ chức tốt công tác diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn.

Tăng cường đấu tranh trấn áp, kiềm chế, không để tội phạm gia tăng, nhất là tội phạm có tổ chức, can dự vào các hoạt động kinh tế, tội phạm ma túy, tội phạm công nghệ cao. Triển khai Đề án bố trí công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã trên địa bàn tỉnh. Duy trì lực lượng đảm bảo an toàn giao thông, xử lý các "điểm đen" về tai nạn giao thông trên toàn tỉnh; ngăn ngừa, xử lý nghiêm các phương tiện vận tải đã hết niên hạn sử dụng tham gia giao thông; giải quyết triệt để tình trạng phương tiện chờ quá khổ, quá tải.

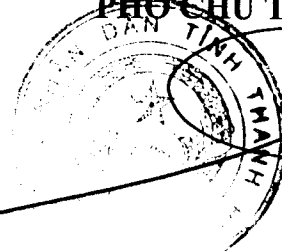
Các ngành chức năng, các địa phương xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc; giải quyết kịp thời, hiệu quả đơn thư khiếu nại, tố cáo, các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh ngay từ cơ sở.

Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp chung của tỉnh nêu trên và kết quả đạt được của từng ngành, địa phương, đơn vị trong 6 tháng đầu năm; các cấp, các ngành khẩn trương xác định mục tiêu, nhiệm vụ còn lại trong 6 tháng cuối năm 2019, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị và phân công nhiệm vụ để tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2019 của ngành, địa phương mình; góp phần cùng cả tỉnh hoàn thành thắng lợi, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 đã được HĐND tỉnh quyết nghị./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ, VPQH, VPCTN (để b/c);
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4 (để b/c);
- TTr Tỉnh uỷ, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Thanh Hóa;
- Các Ban của Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Biểu số 1:

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2018	KH năm 2019	Ước TH 6 tháng năm 2019	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm
1		3	4	5	6	7	8
A	CHỈ TIÊU TỔNG HỢP						
I	Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	43.634,9	121.839	53.314	122,18	43,8
1	Giá trị tăng thêm (VA)	Tỷ đồng	41.231,7	110.499	47.561	115,35	43,0
a	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	7.278,7	14.693,0	7.395,6	101,61	50,3
-	Nông nghiệp	"	5.702,8	11.472	5.705	100,04	49,7
-	Lâm nghiệp	"	591,0	1.107	640	108,26	57,8
-	Thủy sản	"	984,9	2.114	1.051	106,71	49,7
b	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	20.139,5	58.517,0	25.386,8	126,05	43,4
-	Công nghiệp	"	12.919,7	38.914	17.563	135,94	45,1
-	Xây dựng	"	7.219,8	19.603	7.824	108,37	39,9
c	Dịch vụ	"	13.813,5	37.289	14.779	106,99	39,6
2	Thuế sản phẩm	"	2.403,1	11.340	5.753	239,41	50,7
II	Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP						
	- Nông, lâm nghiệp, thủy	%	16,00	10,75	12,70		
	- Công nghiệp và xây dựng	%	46,79	47,19	48,83		
	- Dịch vụ	%	33,18	33,30	28,46		
	- Thuế sản phẩm	%	4,03	8,77	10,01		
B	CHỈ TIÊU KINH TẾ						
I	Nông nghiệp						
1	Trồng trọt						
a	Diện tích gieo trồng vụ đông xuân	Ha	256.041	257.000	255.012	99,6	99,2
	+ Vụ đông	"	46.005	48.000	48.725	105,9	101,5
	+ Vụ chiêm xuân	"	210.036	209.000	206.287	98,2	98,7
b	Sản lượng lương thực vụ đông xuân	Tấn	933.192	899.100	922.264	98,8	102,6
	+ Vụ đông	"	66.735	80.500	78.011	116,9	96,9
	+ Vụ chiêm xuân	"	866.457	818.600	844.253	97,4	103,1
-	Lúa						
	+ Diện tích lúa chiêm xuân	Ha	119.520	117.000	118.247	98,9	101,1
	+ Năng suất	Tạ/ha	66,7	64,0	65,3	97,9	102,0
	+ Sản lượng	Tấn	797.198	748.800	772.153	96,9	103,1
-	Ngô đông xuân						
	+ Diện tích	Ha	30.281	32.500	31.947	105,5	98,3
	+ Năng suất	Tạ/ha	45,7	46,2	47,0	102,8	101,7
	+ Sản lượng	Tấn	138.384	150.300	150.111	108,5	99,9
	Trong đó: Vụ chiêm xuân						
	+ Diện tích	Ha	15.451	15.000	15.606	101,0	104,0

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2018	KH năm 2019	Ước TH 6 tháng năm 2019	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm
1	2	3	4	5	6	7	8
	+ Năng suất	Tạ/ha	46,4	46,5	46,2	99,6	99,4
	+ Sản lượng	Tấn	71.740	69.800	72.100	100,5	103,3
-	<i>Lạc đông xuân</i>						
	+ Diện tích	Ha	9.318	9.000	8.798	94,4	97,8
	+ Năng suất	Tạ/ha	22,3	21,0	21,8	97,8	103,6
	+ Sản lượng	Tấn	20.736	19.000	19.223	92,7	101,2
-	<i>Đậu tương đông xuân</i>						
	+ Diện tích	Ha	914	1.300	687	75,2	52,8
	+ Năng suất	Tạ/ha	14,5	16,0	15,1	104,1	94,5
	+ Sản lượng	Tấn	1.380	2.078	1.039	75,3	50,0
2	Chăn nuôi						
-	Tổng đàn trâu	Con	189.364	195.000	185.831	98,1	95,3
-	Tổng đàn bò	"	245.707	257.000	250.426	101,9	97,4
-	Tổng đàn lợn	"	811.378	850.000	796.986	98,2	93,8
-	Tổng đàn gia cầm	Triệu con	19,2	19,5	19,9	103,5	102,1
-	Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	108.530	238.000	109.415	100,8	46,0
3	Lâm nghiệp						
-	Diện tích bảo vệ rừng	Ha	594.300	598.573	598.573	100,7	100,0
-	Trồng rừng mới	"	4.230	10.000	4.532	107,1	45,3
-	Khai thác lâm sản						
	+ Gỗ	m3	310.630	580.000	336.510	108,3	58,0
	+ Tre luồng	Triệu cây	28,8	53	31,4	109,0	59,3
	+ Nguyên liệu giấy	Tấn	36.005	74.000	38.010	105,6	51,4
4	Thủy sản						
<i>a</i>	<i>Sản lượng thủy sản</i>	<i>Tấn</i>	<i>83.428</i>	<i>180.000</i>	<i>89.223</i>	<i>106,9</i>	<i>49,6</i>
-	Sản lượng khai thác	"	56.875	122.660	60.564	106,5	49,4
-	Sản lượng nuôi trồng	"	26.554	57.340	28.659	107,9	50,0
<i>b</i>	<i>Tổng diện tích nuôi trồng</i>		<i>19.300</i>	<i>19.000</i>	<i>19.000</i>	<i>98,4</i>	<i>100,0</i>
-	Diện tích nuôi trồng nước mặn lợ	Ha	7.700	5.397	5.397	70,1	100,0
-	Diện tích nuôi trồng nước ngọt	"	11.600	13.603	13.603	117,3	100,0
II	Công nghiệp						
1	Xi măng các loại	1.000 tấn	6.929	13.300	7.173	103,5	53,9
2	Clinker	1.000 tấn	1.326	2.550	1.207	91,0	47,3
3	Đường kết tinh	1.000 tấn	109	145	141	128,9	97,0
4	Bia các loại	1.000 lít	29.336	57.000	32.336	110,2	56,7
5	Thuốc lá bao	1.000 bao	85.303	170.000	125.159	146,7	73,6
6	Thủy sản đông lạnh chế biến	Tấn	19.893	42.000	21.674	109,0	51,6
7	Súc sản đông lạnh xuất khẩu	Tấn	1.168	2.500	1.344	115,1	53,8
8	Giày xuất khẩu	1.000 đôi	38.786	81.000	44.174	113,9	54,5
9	Quần áo may sẵn	1.000 cái	109.801	232.000	128.027	116,6	55,2
10	Giấy, bìa các loại	Tấn	20.862	44.000	22.292	106,9	50,7
11	Phân bón các loại	Tấn	146.534	300.000	153.825	105,0	51,3
12	Gạch xây	Tr. viên	688	1.380	700	101,7	50,7

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2018	KH năm 2019	Ước TH 6 tháng năm 2019	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm
1	2	3	4	5	6	7	8
13	Gạch lát nền ceramic	1.000 m2	3.083	8.000	2.822	91,5	35,3
14	Đá khai thác	1.000 m3	4.510	9.600	4.999	110,9	52,1
15	Đá ốp lát xây dựng	1.000 m2	10.222	21.700	11.675	114,2	53,8
16	Cát xây dựng	1.000 m3	3.124	6.900	3.461	110,8	50,2
17	Thức ăn gia súc	Tấn	61.709	132.000	64.814	105,0	49,1
18	Bao bì PP các loại	1.000 bao	51.132	135.000	53.432	104,5	39,6
19	Nước máy sản xuất	1.000 m3	23.039	55.000	25.277	109,7	46,0
20	Tinh bột sắn	Tấn	35.752	51.000	35.138	98,3	68,9
21	Sữa các loại	1.000 lít	7.082	43.000	8.488	119,9	19,7
22	Ô tô tải các loại	Xe	825	1.500	940	113,9	62,7
23	Điện thương phẩm	Tr.Kwh	2.041	4.560	2.320	113,7	50,9
24	Điện sản xuất	Tr.Kwh	3.224	5.800	3.188	98,9	55,0
25	Xăng các loại	1.000 Tấn	185,77	2.450	1.010,39	5,4 lần	41,2
26	Dầu Diesel các loại	1.000 Tấn	71,12	2.650	1.697,03	23,9 lần	64,0
27	Khí hóa lỏng	1.000 Tấn	0,90	75	17,31	19,2 lần	23,1
28	Polypropylen	1.000 Tấn	11,35	250	62,48	5,5 lần	25,0
29	Paraxilene	1.000 Tấn	23,37	580	67,14	2,9 lần	11,6
30	Benzen	1.000 Tấn	9,03	190	47,30	5,2 lần	24,9
31	Lưu huỳnh rắn	1.000 Tấn	16,13	215	42,71	2,6 lần	19,9
32	Dầu ăn	1.000 Tấn	0,14	60	12,65	87,8 lần	21,1
III	Tổng vốn ĐTPT trên địa bàn	Tỷ đồng	46.620	125.000	53.323	114,4	42,7
IV	Dịch vụ						
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	46.625	105.000	53.392	114,5	50,8
2	Xuất khẩu						
<i>a</i>	<i>Giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ</i>	<i>1.000 USD</i>	<i>1.097.112</i>	<i>3.000.000</i>	<i>1.797.679</i>	<i>163,9</i>	<i>59,9</i>
	- Xuất khẩu hàng hóa	"	1.022.229	2.860.000	1.716.985	168,0	60,0
	+ Xuất khẩu chính	"	1.001.198	2.800.000	1.686.871	168,5	60,2
	+ Xuất khẩu tiểu ngạch	"	21.031	60.000	30.114	143,2	50,2
	- Xuất khẩu dịch vụ	1.000 USD	61.555	140.000	66.679	108,3	47,6
<i>b</i>	<i>Mặt hàng xuất khẩu chính ngạch chủ yếu</i>						
	+ Dưa chuột đóng hộp	Tấn	136	550	266	195,6	48,4
	+ Súc sản xuất khẩu	"	358	1.750	434	121,2	24,8
	+ Chả cá Surimi	"	395	2.500	269	68,1	10,8
	+ Hàng dệt may	1.000 SP	107.736	220.000	112.892	104,8	51,3
	+ Giấy xuất khẩu	1.000 đôi	48.702	80.000	63.857	131,1	79,8
	+ Đá ốp lát các loại	1.000 m2	527	1.300	630	119,5	48,5
	+ Xi măng	Tấn	211.057	520.000	198.834	94,2	38,2
	+ Lưu huỳnh	Tấn		235.000	137.854		58,7
	+ Benzen	Tấn	1.521	220.000	83.905	55,2 lần	38,1
	+ Polypropylen	Tấn	1.243	155.000	304.998	245,4 lần	196,8
3	Du lịch						
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.773	14.500	8.170	141,5	56,3

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2018	KH năm 2019	Ước TH 6 tháng năm 2019	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm
1	2	3	4	5	6	7	8
-	Tổng lượt khách	1.000 lượt khách	5.149	9.500	6.345	123,2	66,8
	<i>Trong đó: khách quốc tế</i>	"	95,2	298,0	123,6	129,8	41,5
4	Vận tải						
a	Vận tải hàng hoá						
-	Khối lượng vận chuyển	1.000 tấn	27.406	62.700	37.620	137,3	60,0
-	Khối lượng luân chuyển	1.000	1.367.246	3.750.000	2.250.000	164,6	60,0
b	Vận tải hành khách						
-	Khối lượng vận chuyển	1.000 HK	22.341	58.500	32.175	144,0	55,0
-	Khối lượng luân chuyển	1.000 HK.km	1.321.098	2.990.000	1.644.500	124,5	55,0
c	Hàng hoá thông qua cảng	1.000 tấn	5.000	20.800	13.900	278,0	66,8
	<i>Trong đó: qua cảng Nghi Sơn</i>	"	4.904	19.700	13.700	279,4	69,5
d	Doanh thu ngành vận tải	Tỷ đồng	4.496	13.500	7.700	171,3	57,0
5	Bưu chính - viễn thông						
-	Số máy điện thoại phát triển	Thuê bao	178.108	303.000	171.600	96,3	56,6
	+ Cố định	"	1.842	3.000	1.600	86,9	53,3
	+ Di động	"	176.266	300.000	170.000	96,4	56,7
-	Mật độ điện thoại	Máy/100 dân	76,0	80,4	79,7	104,9	99,1
6	Thu - Chi ngân sách nhà nước						
-	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	7.278	26.642	13.786	189,4	51,7
	<i>Trong đó: thu nội</i>	"	5.278	15.542	8.381	158,8	53,9
-	Chi ngân sách nhà nước	"	13.419	30.278	14.870	110,8	49,1
C	CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI						
I	Y tế						
-	Số giường bệnh (không bao gồm giường bệnh trạm y tế xã)	Giường	10.000	10.600	10.600	106,0	100,0
-	Số giường bệnh/10.000 dân (không bao gồm giường bệnh trạm y tế xã)	Giường	28,1	29,4	29,4	104,6	100,0
-	Số bác sỹ/10.000 dân	Người	8,6	9,5	9,1	105,8	95,8
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo chuẩn mới)	%	77,3	85,2	87,5		
-	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1	‰	12,8	11,6	12		
-	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5	‰	17,6	16,6	17		
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	15,5	14,0	15,6		
-	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	86,9	89,0	85		
II	Lao động và việc làm						
-	Số lao động được tạo việc làm mới trong năm	Người	32.590	68.000	47.250	145,0	69,5

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2018	KH năm 2019	Ước TH 6 tháng năm 2019	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm
1	2	3	4	5	6	7	8
-	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	30.047	81.540	30.097	100,2	36,9
-	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	4.600	10.000	4.775	103,8	47,8
III	Văn hoá, Thể thao, Phát thanh - truyền hình						
1	Văn hoá						
-	Tổng số báo chí xuất bản	1.000 bản	2.537	5.779	2.220	87,5	38,4
-	Số di tích được tu bổ	Di tích		30	-		-
-	Tổng số làng, thôn bản, tổ dân phố đăng ký xây dựng văn hóa	Làng, bản, kp		2.657	3.257		122,6
	<i>Trong đó: đăng ký công nhận danh hiệu văn hóa</i>	"		2.657	3.257		122,6
-	Tổng số cơ quan, đơn vị, DN đăng ký XD đạt chuẩn văn hóa	CQ, ĐV, DN	2.862	3.044	3.185	111,3	104,6
	<i>Trong đó: khai trương mới</i>	"	85	80	221	260,0	276,3
-	Tổng số xã đăng ký XD đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	Xã	375	406	427	113,9	105,2
	<i>Trong đó: khai trương mới</i>	Xã	11	20	41	372,7	205,0
2	Thể thao						
-	Tỷ lệ dân số tập luyện thể thao thường xuyên	%	39	42	41		
-	Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao	%	28	29,2	28,8		
-	Tỷ lệ trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất	%	100	100	100		
-	Số VĐV cấp tỉnh đào tạo tập trung	VĐV	500	500	500	100,0	100,0
3	Phát thanh, truyền hình						
-	Số giờ tiếp sóng Đài tiếng nói Việt Nam	Giờ/năm	3.439	6.935	3.439	100,0	49,6
-	Số giờ phát sóng phát thanh chương trình địa phương	Giờ/năm	2.534	5.110	2.534	100,0	49,6
	<i>Trong đó: Phát tiếng dân tộc</i>	Giờ/năm	121	243	121	100,0	49,8
-	Tỷ lệ dân số được phủ sóng phát thanh	%	99	99	99		
-	Số giờ phát sóng truyền hình chương trình địa phương	Giờ/năm	3.439	6.935	3.439	100,0	49,6
	<i>Trong đó: Phát tiếng dân tộc</i>	Giờ/năm	121	243	121	100,0	49,8
-	Tỷ lệ dân số được phủ sóng truyền hình	%	98	98	98		

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2018	KH năm 2019	Ước TH 6 tháng năm 2019	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm
1	2	3	4	5	6	7	8
IV	Giáo dục, đào tạo						
1	Số xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Xã	635	635	635	100,0	100,0
	- Tỷ lệ xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	%	100	100	100	100,0	100,0
2	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	1.353	1.457	1.400	103,5	96,1
	+ Mầm non	"	399	429	446	111,8	104,0
	+ Tiểu học	"	559	570	545	97,5	95,6
	+ Trung học cơ sở	"	366	392	359	98,1	91,6
	+ TH& THCS	"		26	18		69,2
	+ Trung học phổ thông	"	29	40	32	110,3	80,0
3	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	64,5	70,9	67,6		
4	Tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá	"	87,5	87,7	87,7		
V	Quốc phòng - an ninh						
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	70	70	70		

Biểu số 2:

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH 2019	Ước TH 6 tháng 2019	Ước TH 6 tháng/Kế hoạch (%)	Nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm 2019	Ghi chú
I CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ							
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá so sánh năm 2010)	%	20,0	22,18		18,36	
2	Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP						
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	10,7	12,7			
	- Công nghiệp và xây dựng	%	47,2	48,8			
	- Dịch vụ	%	33,3	28,5			
	- Thuế sản phẩm	%	8,8	10,0			
3	GRDP bình quân đầu người	USD	2.520				Chỉ thống kê cả năm
4	Tổng sản lượng lương thực	Nghìn tấn	1.600	922,3	57,6	677,7	
5	Tổng giá trị xuất khẩu	Triệu USD	3.000	1.797,6	59,9	1.202,4	
6	Tổng huy động vốn đầu tư trên địa bàn	Tỷ đồng	125.000	53.323	42,7	71.676,7	
7	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	26.642	13.786	51,7	12.856	
8	Xây dựng nông thôn mới	Huyện, xã	01 huyện, 41 xã			01 huyện, 41 xã	
9	Số doanh nghiệp mới được thành lập trong năm	Doanh nghiệp	3.000	1.290	43,0	1.710	
10	Tỷ lệ đô thị hóa	%	27				Chỉ thống kê cả năm
II CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI							
1	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	37,5				Chỉ thống kê cả năm
2	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	85,2	87,5			
3	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	68.000	47.250	69,5	20.750	
4	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	70,9	67,3			
5	Tốc độ tăng dân số	%	Dưới 0,65				Chỉ thống kê cả năm
6	Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ /10.000 dân	9,5				- nt -
7	Số giường bệnh/10.000 dân	GB/10.000 dân	29,4				- nt -
8	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế/tổng số dân	%	87,5				- nt -
9	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	67				- nt -
10	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm từ 2,5%/năm trở lên				- nt -
III CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG							
1	Tỷ lệ che phủ rừng.	%	53,03				Chỉ thống kê cả năm
2	Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch	%	93				- nt -
3	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%	94				- nt -
4	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	77				- nt -

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH 2019	Ước TH 6 tháng 2019	Ước TH 6 tháng/Kế hoạch (%)	Nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm 2019	Ghi chú
5	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	99				- nt -
IV	CHỈ TIÊU VỀ AN NINH TRẬT TỰ						
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	70	70			